

Chương 3

- Danh sách
 - Danh sách có thứ tự (Ordered Lists)
 - Danh sách không thứ tự (Unordered Lists)
 - Danh sách định nghĩa (Definition Lists)
- Bảng



- Danh sách không thứ tự
- Danh sách có thứ tự
- Danh sách định nghĩa



Ordered List



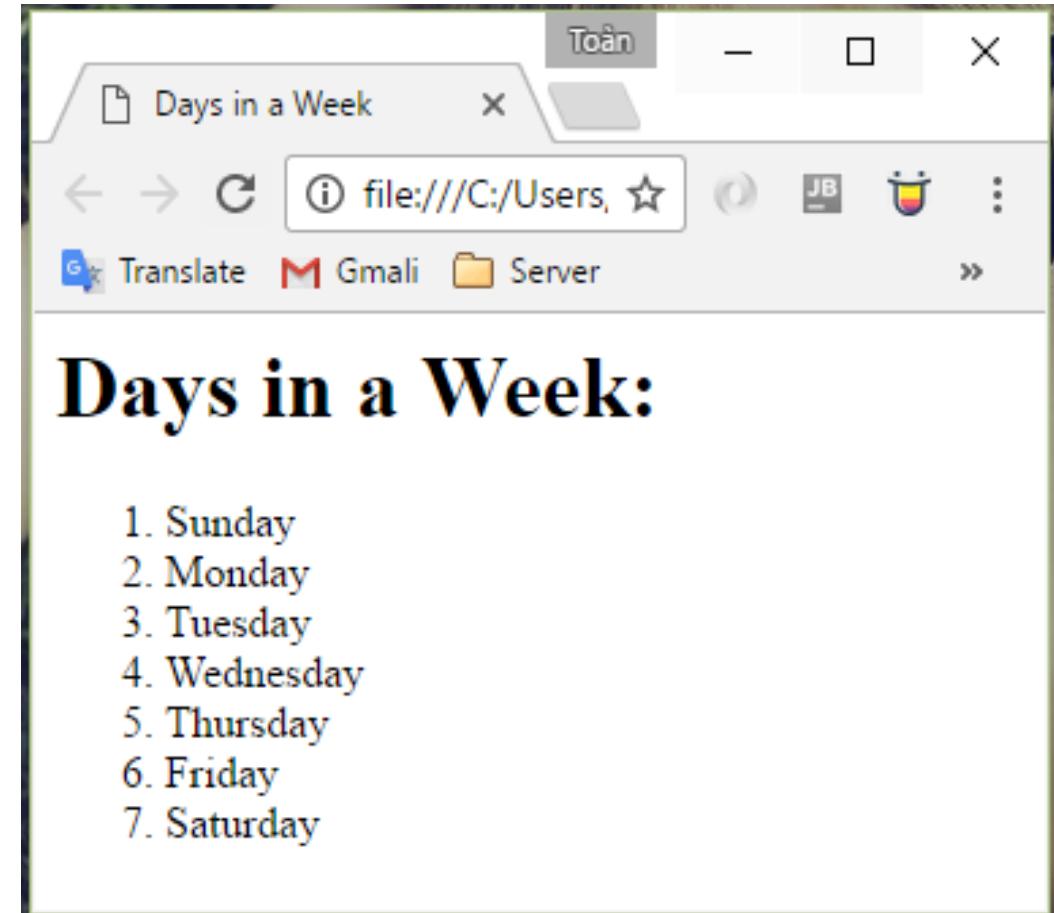
Unordered List

SGML
Mother of all markup languages.

HTML
Markup language used to create Web pages.

Danh sách có thứ tự

```
<html>
<head>
    <title>Days in a Week</title>
</head>
<body>
    <h1>Days in a Week: </h1>
    <ol>
        <li>Sunday</li>
        <li>Monday</li>
        <li>Tuesday</li>
        <li>Wednesday</li>
        <li>Thursday</li>
        <li>Friday</li>
        <li>Saturday</li>
    </ol>
</body>
</html>
```

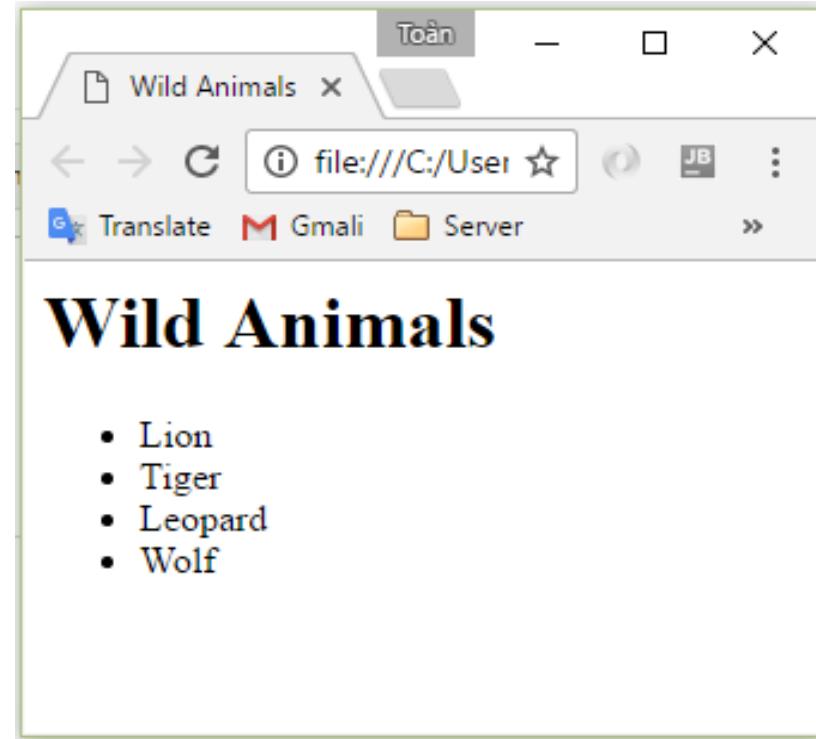


Chọn kiểu đánh số

- Upper Roman
 - <OL TYPE=I>
- Lower Roman
 - <OL TYPE=i>
- Uppercase
 - <OL TYPE=A>
- Lowercase
 - <OL TYPE=a>
- Bắt đầu với một số khác 1
 - <OL START=n> [Mặc định]

Danh sách không thứ tự

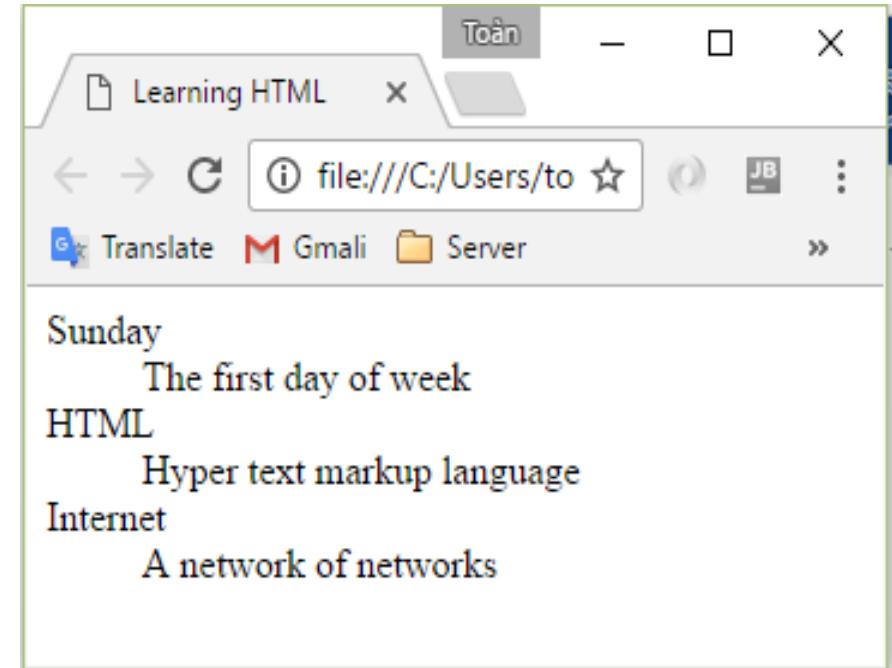
```
<html>
<head>
    <title>Wild Animals</title>
</head>
<body>
    <h1>Wild Animals</h1>
    <ul>
        <li>Lion</li>
        <li>Tiger</li>
        <li>Leopard</li>
        <li>Wolf</li>
    </ul>
</body>
</html>
```



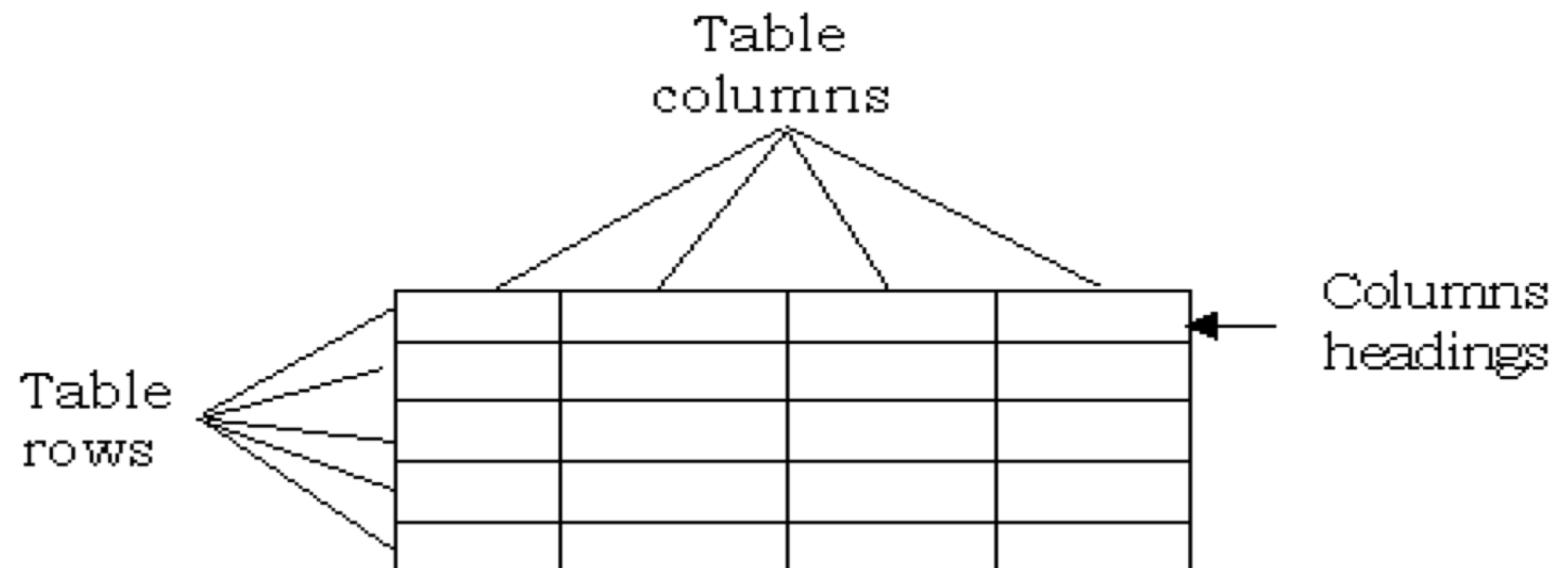
- <UL TYPE=SQUARE> bullets hình vuông
- <UL TYPE=DISC> bullets hình đĩa
- <UL TYPE=CIRCLE> bullets hình tròn

Danh sách định nghĩa

```
<html>
<head>
    <title>Learning HTML</title>
</head>
<body>
    <dl>
        <dt>Sunday</dt>
            <dd>The first day of week</dd>
        <dt>HTML</dt>
            <dd>Hyper text markup language</dd>
        <dt>Internet</dt>
            <dd>A network of networks</dd>
    </dl>
</body>
</html>
```

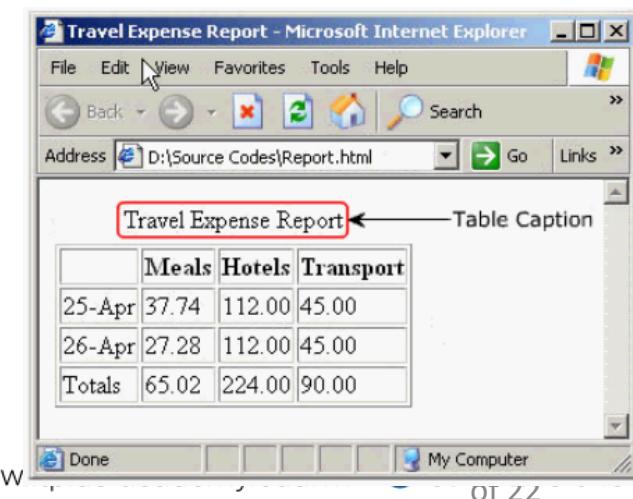


- Phần tử TABLE cho phép bạn có thể trình bày dữ liệu theo dạng bảng.
- Cấu trúc một bảng gồm có dòng (row), cột (column), và ô (cell) là giao của dòng và cột.



Các phần tử tạo bảng

- **<TABLE> ... </TABLE>**: Phần tử tạo bảng
- **<CAPTION> ... </CAPTION>**: Tạo dòng chú thích để mô tả bảng. Được đặt ngay sau thẻ mở <TABLE>
- **<TR> ... </TR>**: Phần tử tạo dòng cho bảng
- **<TD> ... </TD>**: Phần tử tạo ô cho dòng
- **<TH> ... </TH>**: Tạo tiêu đề cho cột, cho dòng



Cách tạo bảng

- Ví dụ

```
<TABLE border="1">
  <CAPTION>TABLE</CAPTION>
  <TH>Column 1</TH>
  <TH>Column 2</TH>
  <TR>
    <TD>Cell 1, Rows 1</TD>
    <TD>Cell 2, Rows 1</TD>
  </TR>
  <TR>
    <TD>Cell 1, Rows 2</TD>
    <TD>Cell 2, Rows 2</TD>
  </TR>
</TABLE>
```

Column 1	Column 2
Cell 1, Rows 1	Cell 2, Rows 1
Cell 1, Rows 2	Cell 2, Rows 2

- **Border=n**: đặt độ rộng đường viền, với $n > 0$ bảng có khung viền
- **Bgcolor=“giá_trị_màu”**: đặt màu nền cho bảng. Giá trị ở hệ thập lục phân
- **Width, Height**: Đặt kích thước chiều rộng, chiều cao cho bảng.
- **CellSpacing**: khoảng giữa các ô trong bảng
- **CellPadding**: là khoảng cách giữa đường viền của ô với nội dung văn bản được đặt trong ô

```
<TABLE border=2 cellspacing=2 cellpadding=6  
bgcolor=blue>
```

- **valign** : canh lề nội dung trong ô theo chiều dọc. Giá trị cho thuộc tính này gồm: top, middle, bottom.
- **align** : canh lề nội dung theo chiều ngang
 - Align = left
 - Align = center
 - Align = right
 - Align = justify
- Valign = top
- Valign = middle
- Valign = bottom

<TD ALIGN = right VALIGN = bottom> Data Cell 1 </TD>

- Ngoài ra cũng có các thuộc tính: bgcolor, width, height,..

Thuộc tính colspan và rowspan

- Thuộc tính COLSPAN và ROWSPAN của phần tử TD và TH được sử dụng để mở rộng một ô ra hơn một dòng hay cột.
 - Rowspan=n:** ghép n ô nằm trên cùng một cột
 - Colspan=n:** ghép n ô nằm trên cùng một hàng

IT		Accounts	
Name	Location	Name	Location
David	New York	John	London
Kathy	New Jersey	Peter	Los Angeles

Effect of colspan

Manufacturer	Model	Price
Audi	A4	34.5
	A5	42.6
	A6	30.75
BMW	328i	28.25
	530d	47.5

Effect of rowspan

Thuộc tính colspan và rowspan

- Ví dụ

```
<TABLE border=1>
  <TR>
    <TD>cell</TD> <TD>cell</TD>
    <TD rowspan=3 rowspan=3>
      <TD> cell </TD> <TD> cell </TD>
    </TR>
    <TR>
      <TD colspan=2>colspan=2 </TD>
      <TD colspan=2>colspan=2 </TD>
    </TR>
    <TR>
      <TD> cell </TD> <TD> cell </TD>
      <TD> cell </TD> <TD> cel </TD>
    </TR>
  </TABLE>
```

cell	cell	rowspan=3	cell	cell	
colspan=2			colspan=2		
cell	cell		cell	cell	

- Ba phần tử dùng để chia bảng thành ba vùng.
 - THEAD định nghĩa vùng tiêu đề.
 - TFOOT định nghĩa vùng chân tiêu đề.
 - TBODY định nghĩa vùng thân của bảng

Phần tử THEAD, TFOOT, TBODY

- Ví dụ

```
<table width="320" height="104" border="1" >
<THEAD>
    <tr>
        <th> Student Name </th>
        <th> Grand Total (Out of 500) </th>
        <th> Percentage</th>
    </tr>
</THEAD>
<TFOOT>
    <tr>
        <th colspan="2">Total Student </th>
        <th>4</th>
    </tr>
</TFOOT>
```

Student Name	Grand Total (Out of 500)	Percentage
John	450	90%
Linda	400	80%
Marry	460	92%
Total Student		4

```
<TBODY>
    <tr>
        <td>John</td>
        <td align="center">450</td>
        <td align="center">90%</td>
    </tr>
    <tr>
        <td>Linda</td>
        <td align="center">400</td>
        <td align="center">80%</td>
    </tr>
    <tr>
        <td>Marry</td>
        <td align="center">460</td>
        <td align="center">92%</td>
    </tr>
</TBODY>
</table>
```